

PHỤ LỤC
DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ NGHỈ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP NĂM 2025 CỦA XÃ PHƯỚC GIANG
(Kèm theo Công văn số 531/UBND-KT ngày 26/9/2025 của UBND xã Phước Giang)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/NQ-HĐND (lần mức lương cơ sở/người/tháng)	Trong đó		Tiền lương tháng liền kề của chức danh CBCC cấp xã do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025 trước khi được bổ trí sang làm NHĐKCT ở cấp xã (nếu có)	Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo NĐ 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)				Lý do tình giảm biên chế
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Trung ương	Mức phụ cấp do tính hỗ trợ				Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHĐKC T ở cấp xã	Tổng thời gian đảm nhận chức danh khác (Có đóng BHXH bắt buộc) nếu có		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm	
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21
	Xã Phước Giang															473.850.000	336.960.000	115.830.000	21.060.000	
1	Nguyễn Thị Lệ	20/4/1985	Đại học	Nội vụ - Thi đua - Công đoàn	KCT tạm thời hỗ trợ công việc tại Văn phòng HĐND&UBND xã Phước Giang	2,34	1,5	0,84		12/02/2014	01/9/2025	11 năm 6 tháng	11 năm 6 tháng		19 năm 8 tháng	239.557.500	168.480.000	60.547.500	10.530.000	Nghỉ do dôi dư khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp
2	Ngô Thị Lệ Huyền	25/11/1983	Trung cấp	Phó Chủ nhiệm UBNDT Đảng	KCT tạm thời hỗ trợ công việc tại Phòng Văn hóa - Xã hội xã Phước Giang	2,34	1,5	0,84		01/7/2015	01/9/2025	10 năm 2 tháng	10 năm 2 tháng		18 năm 3 tháng	234.292.500	168.480.000	55.282.500	10.530.000	Nghỉ do dôi dư khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp

Bằng chữ: bốn trăm bảy mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng.
Danh sách này có 02 đối tượng.